TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2018
V/v "*Không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em –Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Phú K, sinh năm 1978 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn V, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 39, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 07/7/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn - Nguyễn Thị Phú K trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông V được gia đình hai bên mai mối, có tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng sau khi cưới có hạnh phúc hơn 02 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng bất đồng quan điểm, bất đồng trong công việc làm ăn. Ngoài ra, ông V thường xuyên uống rượu; Khi có rượu thì chửi mắng, đánh đập đồng thời có những lời lẽ xúc phạm bà và cả cha mẹ của bà. Bà cố gắng chịu đựng nhưng áp lực cuộc sống ngày càng nặng nề, vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2015 bà và ông V ly thân nhau cho đến nay. Đồng thời,không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà không còn tình cảm với ông V. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung cháu Hà Thảo V (V), sinh ngày 27/3/2007. Hiện cháu V đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Hà Văn V: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông V không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phú K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Phú K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Tuy nhiên, giữa bà K và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, cho đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đối với yêu cầu "Ly hôn" của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp giữa bà K với ông V là "Tranh chấp khác về Hôn nhân và Gia đình" được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Hà Văn V có nơi cư trú tại tổ 39, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, ông V vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ đơn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà K, ông V ngày 07/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang: Xác nhận qua trích lục sổ đăng ký kết hôn không tìm thấy tên bà K, ông V trong sổ kết hôn. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình 2014 nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông V chịu sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Đồng thời, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân, áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà K, ông V là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Bà K và ông V có 01 con chung cháu Hà Thảo V (V), sinh ngày 27 tháng 3 năm 2007. Cháu V (V) do bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung; Phù hợp với văn bản trình bày ý kiến ngày 27/4/2018 của cháu V (V). Do đó, yêu cầu của bà K phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 17; Điều 92, Điều 93,Điều 94 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; Các Điều 15, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đồng thời, bà K phải tạo điều kiện cho ông V được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Ông V không cấp dưỡng nuôi con, do bà K không yêu cầu. Việc nuôi con không cố định.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà K là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà K và ông V có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 17; Các Điều 87, 92, 93,94 Luật hôn nhân Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phú K.

Không công nhận bà Nguyễn Thị Phú K và ông Hà Văn V là vợ chồng

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phú K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cháu Hà Thảo V, sinh ngày 27 tháng 3năm 2007.

Ông Hà Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không có yêu cầu.

Bà K phải tạo điều kiện cho ông V được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phú K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003206 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phú K có nquyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Hà Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang